

HƯỚNG DẪN NHÀ ĐẦU TƯ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

TCSC

1 Quy định chung

- Để giao dịch chứng khoán phái sinh, Khách hàng bắt buộc phải mở một tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh tại công ty chứng khoán, mà công ty đó là thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh (Điều 5 Thông tư 58/2021/TT-BTC).
- Mỗi Khách hàng chỉ có thể mở một (01) tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh tại một (01) công ty chứng khoán và được phép mở tại nhiều công ty chứng khoán (khoản 3, Điều 6 Thông tư 58/2021/TT-BTC).
- Khách hàng có thể cùng mua và bán một (01) loại Hợp đồng tương lai trong phiên giao dịch.
- Khách hàng phải đảm bảo tỷ lệ ký quỹ theo yêu cầu của TCSC trước khi đặt lệnh giao dịch (khoản 2 Điều 5 Thông tư 58/2021/TT-BTC).
- Tài khoản giao dịch của nhà đầu tư sẽ bị tạm dừng giao dịch trong các trường hợp vi phạm tỷ lệ ký quỹ và giới hạn vị thế theo quy định của TCSC hoặc/và VSDC.

2 Mở tài khoản giao dịch chứng khoán (GDCK) phái sinh tại TCSC

1 Mở tài khoản cơ sở

- Nếu Khách hàng đã có tài khoản cơ sở (tài khoản thông thường), vui lòng bỏ qua bước này.
- Nếu Khách hàng chưa có tài khoản cơ sở, vui lòng tham khảo hướng dẫn mở tài khoản cơ sở [tại đây](#)/ hoặc liên hệ nhân viên môi giới để được hỗ trợ.

2 Mở tài khoản GDCK phái sinh

Khách hàng hoàn thiện và ký Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh.

Lưu ý: Sau khi mở tài khoản phái sinh thành công, Khách hàng có thể thực hiện giao dịch phái sinh ngay sau khi VSDC duyệt mở tài khoản (trừ trường hợp hệ thống kiểm tra có phát sinh các sai lệch thông tin do Khách hàng cung cấp).

3 Giao dịch chứng khoán phái sinh

- Nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh tại TCSC;
- Đặt lệnh giao dịch chứng khoán phái sinh: Khách hàng có thể thực hiện đặt lệnh giao dịch qua các kênh trực tuyến TCiPro (Web), TCiFutures (Apps); thông qua điện thoại hoặc tại quầy giao dịch;
- Thực hiện các nghĩa vụ sau giao dịch theo quy định: thanh toán phí, thuế, ký quỹ bổ sung, thanh toán lỗ vị thế,
- Tỷ lệ ký quỹ ban đầu tại TCSC là 17%.

3

Thời gian giao dịch, phương thức và loại lệnh giao dịch

Từ thứ Hai đến thứ Sáu, trừ các ngày nghỉ theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán;

Đối với Hợp đồng tương lai (HĐTL) chỉ số VN30 và VN100 thời gian giao dịch trong ngày như sau:

Giờ giao dịch	Phương thức giao dịch (*)	Lệnh sử dụng (**)
8h45 - 9h00	Khớp lệnh định kỳ mở cửa	ATO, LO (Không được hủy/sửa lệnh)
9h00 - 11h30	Khớp lệnh liên tục phiên sáng	LO, MOK, MAK, MTL (Được hủy/sửa lệnh)
11h30 - 13h00	Nghỉ giữa phiên	
13h00 - 14h30	Khớp lệnh liên tục phiên chiều	LO, MOK, MAK, MTL (Được hủy/sửa lệnh)
14h30 - 14h45	Khớp lệnh định kỳ đóng cửa	ATC, LO (Không được hủy/sửa lệnh)
8h45 - 11h30 và 13h00 - 14h45	Giao dịch thỏa thuận	Lệnh thỏa thuận

Đối với Hợp đồng tương lai (HĐTL) TPCP 5 năm, HĐTL TPCP 10 năm, thời gian giao dịch trong ngày như sau:

Giờ giao dịch	Phương thức giao dịch (*)	Lệnh sử dụng (**)
8h45 - 9h00	Khớp lệnh định kỳ mở cửa	ATO, LO (Không được hủy/sửa lệnh)
9h00 - 11h30	Khớp lệnh liên tục phiên sáng	LO, MOK, MAK, MTL (Được hủy/sửa lệnh)
11h30 - 13h00	Nghỉ giữa phiên	
13h00 - 14h45	Khớp lệnh liên tục phiên chiều	LO, MOK, MAK, MTL (Được hủy/sửa lệnh)
8h45 - 11h30 và 13h00 - 14h45	Giao dịch thỏa thuận	Lệnh thỏa thuận

HĐTL TPCP không áp dụng phiên khớp lệnh định kỳ đóng cửa

Chú giải

(*) Phương thức giao dịch

Khớp lệnh định kỳ:

- Là phương thức giao dịch được hệ thống thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán tại thời điểm xác định;
- Nguyên tắc xác định giá thực hiện:
 - [i] Giá khớp lệnh định kỳ là mức giá giao dịch mà tại đó khối lượng giao dịch đạt lớn nhất và tất cả các lệnh mua có mức giá cao hơn, lệnh bán có mức giá thấp hơn giá được chọn phải được thực hiện hết.
 - [ii] Trường hợp có nhiều mức giá thỏa mãn điểm (i), mức giá được lựa chọn thực hiện là mức giá tại đó các lệnh của một bên phải được thực hiện hết, các lệnh của bên đối ứng phải được thực hiện hết hoặc một phần.

- [iii] Trường hợp có nhiều mức giá thỏa mãn điểm (ii), mức giá được chọn là mức giá trùng hoặc gần với mức giá giao dịch gần nhất theo phương thức khớp lệnh.
- [iv] Trường hợp không có mức giá nào thỏa mãn điểm (ii), mức giá được chọn là mức giá thỏa mãn điểm (i) và trùng hoặc gần với giá giao dịch gần nhất theo phương thức khớp lệnh.

Khớp lệnh liên tục:

- Là phương thức giao dịch được hệ thống thực hiện trên cơ sở so khớp các lệnh mua và lệnh bán ngay khi lệnh được nhập vào hệ thống giao dịch;
- Nguyên tắc xác định giá thực hiện: là mức giá của các lệnh đối ứng đang nằm chờ trên sổ lệnh.

Khớp lệnh thỏa thuận:

- Là phương thức giao dịch mà bên mua và bên bán tự thỏa thuận với nhau về các điều kiện giao dịch, sau đó thông báo cho công ty chứng khoán ghi nhận kết quả giao dịch vào hệ thống giao dịch;
- Hoặc bên mua/ bên bán thông qua công ty chứng khoán để tìm đối tác giao dịch thỏa thuận đối ứng.

(**) Các loại lệnh giao dịch

ATO/ ATC

- Lệnh đặt mua hoặc đặt bán chứng khoán tại mức giá mở cửa/ đóng cửa;
- Hiển thị tại mức giá xác định (LO) trên bảng giá;
- Không được ưu tiên trước lệnh giới hạn (LO) mua giá trần hoặc lệnh giới hạn (LO) bán giá sàn đã nhập trước đó.

LO - Lệnh giới hạn

- Lệnh mua hoặc lệnh bán tại một mức giá xác định hoặc tốt hơn;
- Ghi mức giá cụ thể;
- Có hiệu lực cho đến hết ngày giao dịch hoặc cho đến khi lệnh bị hủy bỏ.

Lệnh thị trường

- MTL - lệnh thị trường giới hạn là lệnh thị trường được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ chuyển phần còn lại thành LO với mức giá đặt lệnh là giá khớp lệnh gần nhất (1) cộng một đơn vị yết giá đối với lệnh mua; (2) trừ đi một đơn vị yết giá đối với lệnh bán.
- MOK - lệnh thị trường khớp toàn bộ hoặc hủy là lệnh thị trường được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ hủy toàn bộ lệnh.
- MAK - lệnh thị trường khớp và hủy là lệnh thị trường được nhập vào nếu không được khớp hết sẽ hủy phần còn lại của lệnh.

4

Nguyên tắc khớp lệnh



Ưu tiên về giá

- Lệnh mua với mức giá cao hơn được ưu tiên thực hiện trước.
- Lệnh bán với mức giá thấp hơn được ưu tiên thực hiện trước.



Ưu tiên về thời gian

Trường hợp các lệnh mua hoặc lệnh bán có cùng mức giá thì lệnh nhập vào hệ thống giao dịch trước được ưu tiên thực hiện trước.

5

Đơn vị giao dịch, đơn vị yết giá, giới hạn lệnh và giới hạn vị thế

Giá trị	HĐTL chỉ số VN30/VN100	HĐTL TPCP 5 năm		HĐTL TPCP 10 năm
Đơn vị giao dịch	1 hợp đồng	1 hợp đồng		
Đơn vị yết giá	0,1 điểm chỉ số (tương đương 10.000 đồng)	1 đồng		
Giới hạn lệnh	Tối thiểu: 1 hợp đồng/ lệnh Tối đa: 500 hợp đồng/ lệnh	Tối thiểu: 1 hợp đồng/ lệnh Tối đa: 500 hợp đồng/ lệnh		
Giới hạn vị thế tối đa cho KH cá nhân	5.000 hợp đồng			
Giới hạn vị thế tối đa cho KH tổ chức	10.000 hợp đồng	5.000 hợp đồng	5.000 hợp đồng	
Giới hạn vị thế tối đa cho nhà đầu tư chuyên nghiệp	20.000 hợp đồng	10.000 hợp đồng	Cá nhân: 3.000 hợp đồng Tổ chức: 10.000 hợp đồng	

6

Các quy định khác

Sản phẩm phái sinh

Các hợp đồng tương lai (HĐTL) niêm yết trước ngày 02/05/2025 có mã giao dịch riêng được quy ước theo quy tắc nhất định bao gồm các thông tin:

- [Tên tài sản cơ sở] [F] [Thời gian đáo hạn]
- Ví dụ: HĐTL có mã VN30F2503.
- Trong đó: "VN30" là chỉ số VN30; "F" là hợp đồng tương lai; "25" là năm đáo hạn của hợp đồng (2025) và "03" là tháng đáo hạn của hợp đồng.

Các hợp đồng tương lai (HĐTL) niêm yết sau thời điểm 02/05/2025 sẽ được đánh mã theo quy định mới của HNX: Gồm 9 ký tự theo quy tắc ISIN code(*), để biểu thị nhiều thông tin hơn về sản phẩm để hỗ trợ các sản phẩm phái sinh phức tạp như Options, Spreads. Bao gồm các thông tin sau:

- [Loại CK] [Nhóm CK] [Mã Tài sản cơ sở] [Năm đáo hạn của HĐTL] [Tháng đáo hạn] [Mã định danh cụ thể cho SP PS]
- Ví dụ: HĐTL có mã 4111F6000
- Trong đó: "4" là loại CK Phái sinh; "1" là nhóm HĐTL; "11" là tài sản cơ sở - chỉ số VN30; "F" là năm đáo hạn của HĐTL - năm 2025; "6" là tháng đáo hạn của HĐTL và "000" là mã định danh cụ thể cho sản phẩm phái sinh - HĐTL (mặc định).

Biên độ dao động giá

Giá tham chiếu: Đối với HĐTL chỉ số cổ phiếu, HĐTL trái phiếu chính phủ giá tham chiếu là giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước hoặc giá lý thuyết (giá lý thuyết áp dụng từ ngày giao dịch đầu tiên cho tới ngày có lệnh đầu tiên được khớp).

Giới hạn dao động giá:

- Giá trần = Giá tham chiếu + (Giá tham chiếu × Biên độ dao động giá)
- Giá sàn = Giá tham chiếu - (Giá tham chiếu × Biên độ dao động giá)

Trong đó:

- Biên độ dao động giá của HĐTL chỉ số VN30/ VN100: 7%;
- Biên độ dao động giá của HĐTL TPCP 5 năm/ 10 năm: 3%.

Quy mô và hệ số nhân hợp đồng

Quy mô hợp đồng:

- HĐTL chỉ số VN30: 100.000 đồng x điểm chỉ số VN30;
- HĐTL chỉ số VN100: 100.000 đồng x điểm chỉ số VN100;
- HĐTL TPCP 5 năm/ 10 năm: 1 tỷ đồng.

Hệ số nhân hợp đồng:

- HĐTL chỉ số VN30/ VN100: 100.000 đồng;
- HĐTL TPCP 5 năm/ 10 năm: 10.000 đồng.

Phương thức và thời gian thanh toán

Phương thức thanh toán:

- HĐTL chỉ số VN30/ VN100: thanh toán bằng tiền;
- HĐTL TPCP 5 năm/ 10 năm: chuyển giao tài sản cơ sở.

Thanh toán lãi lỗ vị thế: ngày làm việc tiếp theo, ghi tăng/ giảm tiền trên tài khoản khách hàng tương ứng với các khoản lãi/ lỗ vị thế.

Thanh toán khi đáo hạn: Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng, ghi tăng/ giảm tiền trên tài khoản khách hàng tương ứng với giá trị lãi/ lỗ khi thực hiện tất toán hợp đồng.

Quy định hủy/ sửa lệnh

Trong thời gian giao dịch khớp lệnh:

Việc sửa lệnh, hủy lệnh giao dịch khớp lệnh chỉ có hiệu lực đối với lệnh chưa được thực hiện hoặc phần còn lại của lệnh chưa được thực hiện;

Lệnh giới hạn được phép sửa giá, khối lượng và hủy lệnh trong thời gian giao dịch. Thứ tự ưu tiên của lệnh sau khi sửa được xác định như sau:

- Thứ tự ưu tiên của lệnh không đổi nếu chỉ sửa giảm khối lượng;
- Thứ tự ưu tiên của lệnh được tính kể từ khi lệnh sửa được nhập vào hệ thống giao dịch đối với các trường hợp sửa tăng khối lượng và/ hoặc sửa giá.

Không được phép sửa, hủy lệnh trong toàn bộ phiên khớp lệnh định kỳ.

Trong thời gian giao dịch thỏa thuận:

- Giao dịch thỏa thuận đã được xác lập trên hệ thống giao dịch (có sự tham gia xác nhận của hai bên giao dịch) không được phép sửa hoặc hủy bỏ;
- Trong thời gian giao dịch, trường hợp thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh nhập sai lệnh giao dịch thỏa thuận của nhà đầu tư, thành viên giao dịch chứng khoán phái sinh được phép sửa, hủy lệnh giao dịch thỏa thuận khi lệnh chưa được bên đối tác xác nhận.

Đáo hạn HĐTL

Tháng đáo hạn:

- HĐTL chỉ số VN30/ VN100: Tháng hiện tại, tháng kế tiếp, 02 tháng cuối 02 Quý tiếp theo. (Ví dụ: tháng hiện tại là tháng 9. Các tháng đáo hạn là tháng 9, tháng 10, tháng 12 và tháng 03).
- HĐTL TPCP 5 năm/ 10 năm: 03 tháng cuối của 03 Quý gần nhất. (Ví dụ: tháng hiện tại là tháng 9. Các tháng đáo hạn là tháng 9, tháng 12, và tháng 03).

Ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL:

- HĐTL chỉ số VN30/ VN100: ngày thứ Năm lần thứ ba trong tháng đáo hạn, nếu trùng vào ngày nghỉ thì ngày giao dịch cuối cùng của hợp đồng đáo hạn tháng đó sẽ được điều chỉnh sang ngày giao dịch liền trước đó;
- HĐTL TPCP 5 năm: ngày 15 của tháng đáo hạn hoặc ngày giao dịch liền trước nếu ngày 15 là ngày nghỉ;
- HĐTL TPCP 10 năm: ngày 25 của tháng đáo hạn hoặc ngày giao dịch liền trước nếu ngày 25 là ngày nghỉ.

Quy tắc ISIN code

Nhóm CK

Nhóm	Mã
HĐTL	1
Calendar Spread	2

Mã Tài sản cơ sở

Tài sản cơ sở	Mã
VN30	I1
VN100	I2
GB05	B5
GB10	BA

Năm đáo hạn

Năm	Mã	Năm	Mã	Năm	Mã
2010	0	2020	A	2030	L
2011	1	2021	B	2031	M
2012	2	2022	C	2032	N
2013	3	2023	D	2033	P
2014	4	2024	E	2034	Q
2015	5	2025	F	2035	R
2016	6	2026	G	2036	S
2017	7	2027	H	2037	T
2018	8	2028	J	2038	V
2019	9	2029	K	2039	W

Tháng đáo hạn

Tháng đáo hạn	Mã	Tháng đáo hạn	Mã	Tháng đáo hạn	Mã
Tháng 1	1	Tháng 5	5	Tháng 9	9
Tháng 2	2	Tháng 6	6	Tháng 10	A
Tháng 3	3	Tháng 7	7	Tháng 11	B
Tháng 4	4	Tháng 8	8	Tháng 12	C

Tcsc